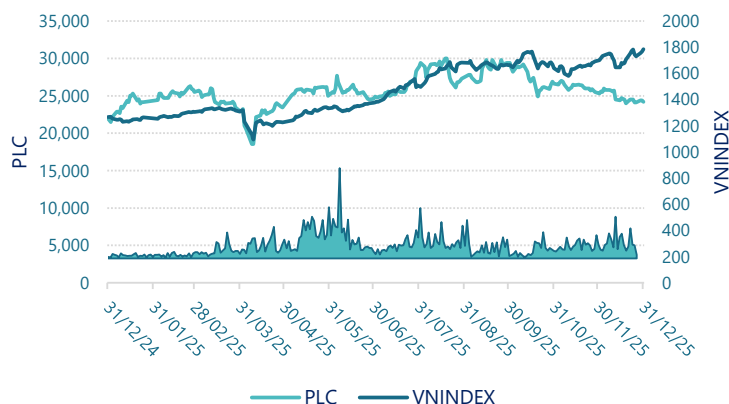


Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (HNX: PLC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	24,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,545
SL cổ phiếu LH	80,797,566
KLGD BQ 20 phiên (CP)	98,710
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,955
P/E	144.2
EPS	168

DT thuần

Q4/25

1,992

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 261 | 15.1%

YoY: ▼ 132 | -6.2%

LN sau thuế

Q4/25

-85.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 117 | -368%

YoY: ▼ 106 | -520%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

2.0%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

2025

7,774

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 842 | 12.2%

LN sau thuế

2025

13.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 29.6 | -68.6%

ROE

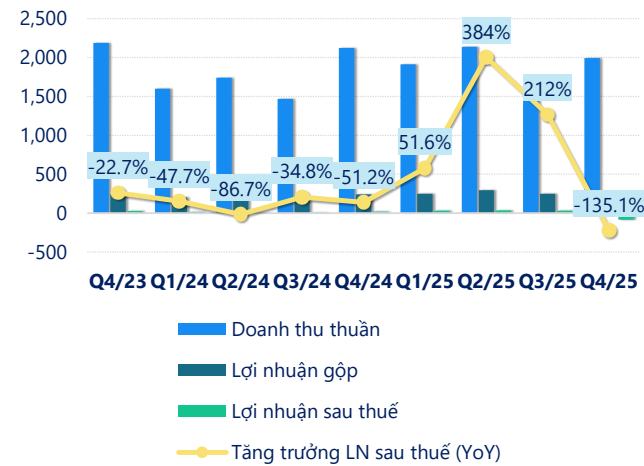
2025

1.1%

+/- YoY: ▼ 2.3%

tỷ VNĐ

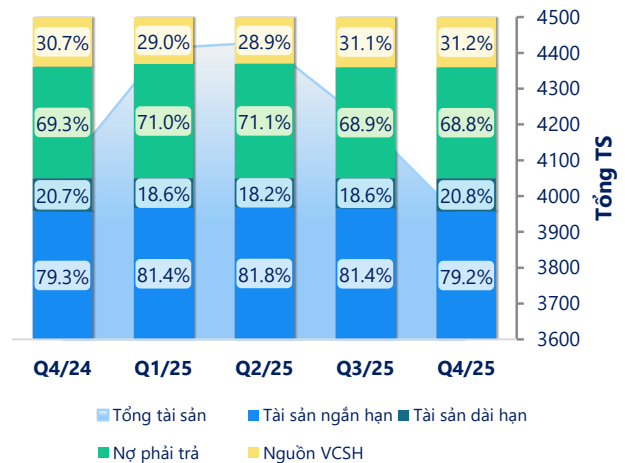
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

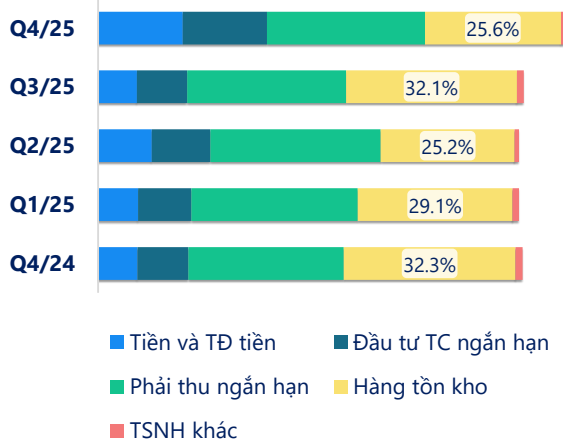
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



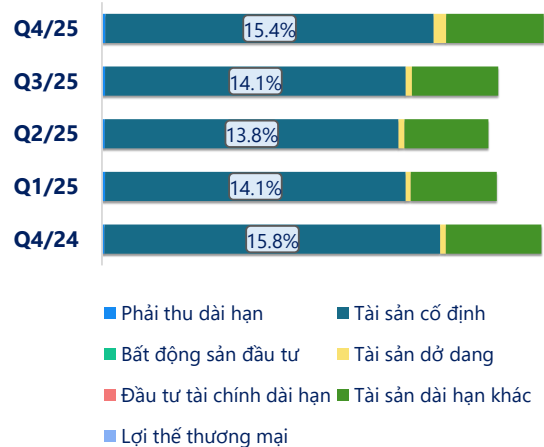
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

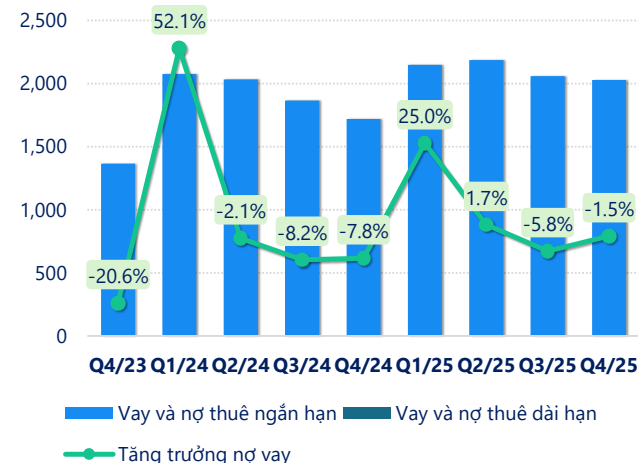
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

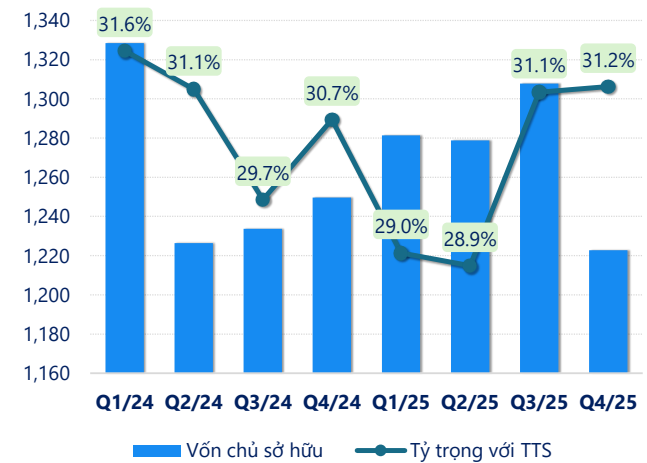
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

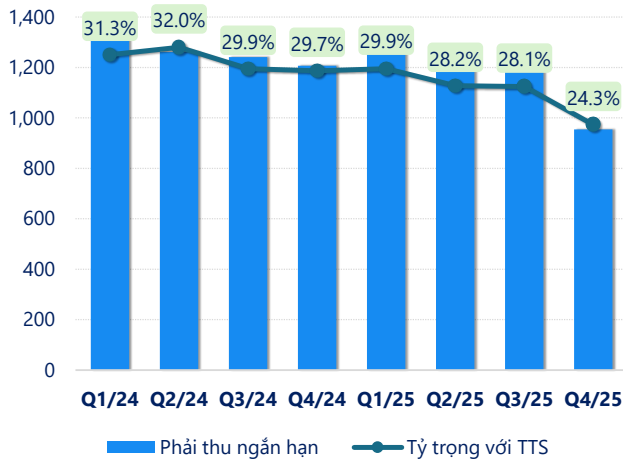
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

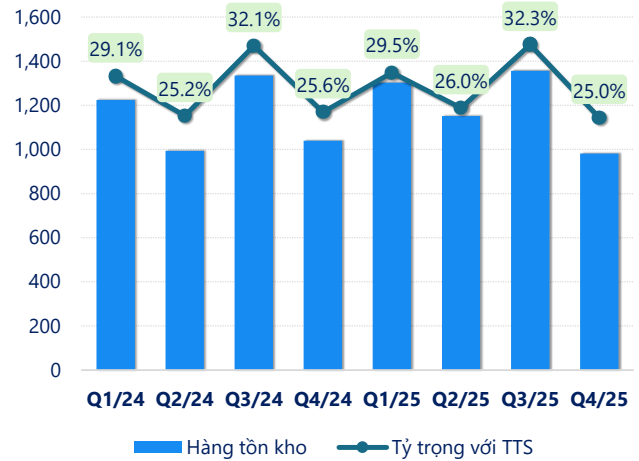
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

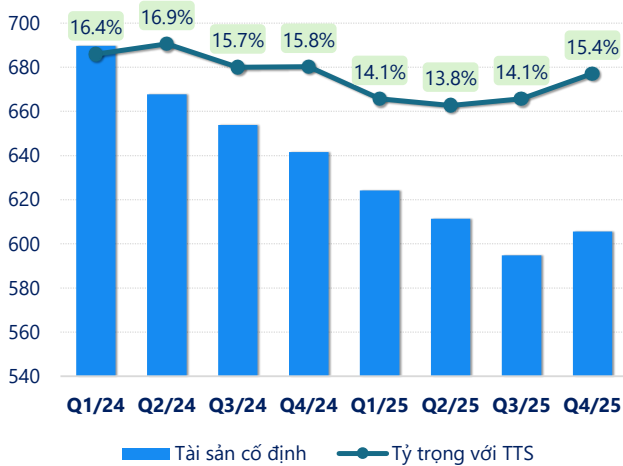
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

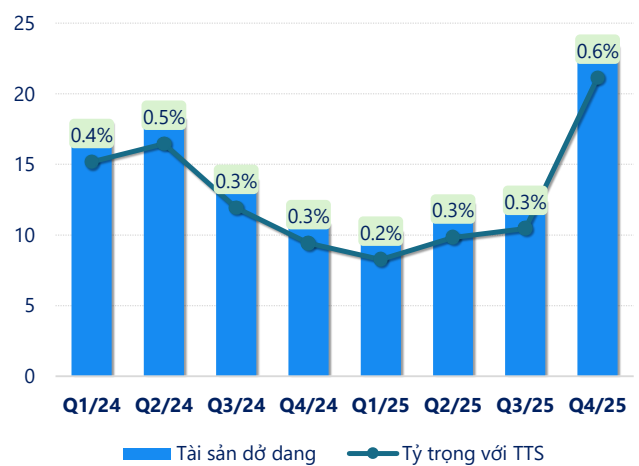
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

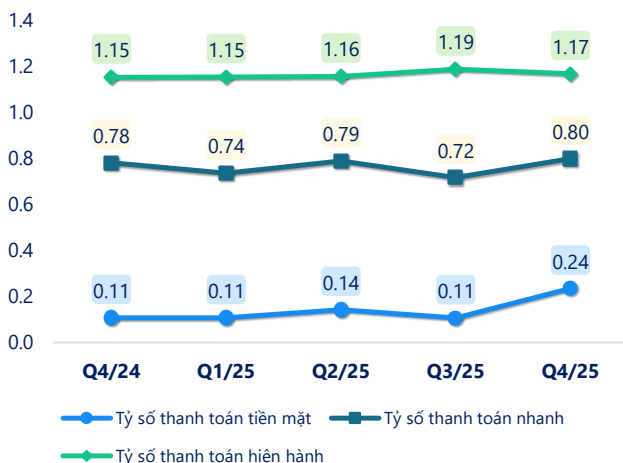
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



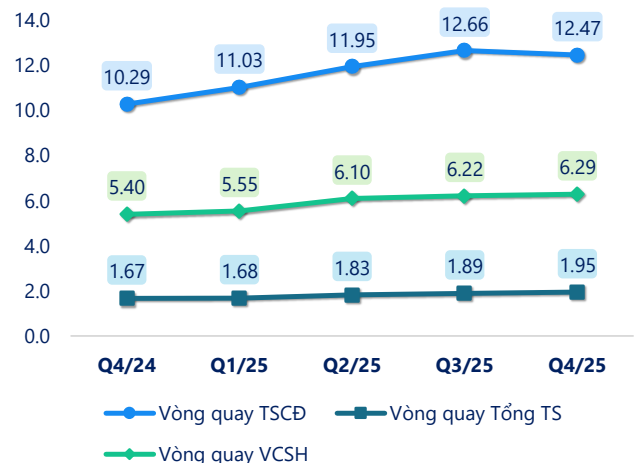
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	4,065	4,413	4,429	4,207	3,924
Tài sản ngắn hạn	3,225	3,594	3,625	3,423	3,109
Tiền và tương đương tiền	301	333	446	307	626
Đầu tư tài chính ngắn hạn	644	590	747	524	494
Phải thu ngắn hạn	1,207	1,319	1,249	1,183	954
Hàng tồn kho	1,040	1,302	1,151	1,357	982
Tài sản ngắn hạn khác	33.7	50.2	31.6	52.6	53.0
Tài sản dài hạn	840	819	805	784	815
Phải thu dài hạn	5.14	6.25	6.25	6.25	6.48
Tài sản cố định	642	624	611	595	606
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	10.7	10.2	12.2	12.3	23.2
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	183	179	175	170	180
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,816	3,132	3,150	2,899	2,702
Nợ ngắn hạn	2,798	3,114	3,133	2,882	2,661
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,719	2,149	2,185	2,059	2,028
Phải trả người bán ngắn hạn	934	810	754	635	452
Nợ dài hạn	17.8	17.8	17.4	17.6	40.7
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,250	1,281	1,279	1,308	1,223
Vốn chủ sở hữu	1,250	1,281	1,279	1,308	1,223
Vốn điều lệ	808	808	808	808	808
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)